

trực thuộc Trung ương và Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ dân lập Tôn Đức Thắng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 19/2003/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2005.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001 - 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (Công văn số 2831/VHTT-KH ngày 25 tháng 7 năm 2001) và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 7114/BKH-VPTĐ ngày 22 tháng 10 năm 2001),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2005”, với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu của chương trình:**

a) Mục tiêu tổng quát:

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

- Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở (phường, xã, thị trấn, thị tứ, thôn, làng, bản ấp...).

- Hiện đại hóa công nghệ sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Ngăn chặn một cách có hiệu quả nguy cơ bị xuống cấp và mất mát các di sản văn hóa. Đầu tư trùng tu, tôn tạo, phục hồi và xây dựng các di tích, danh thắng và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể thành những sản phẩm văn hóa có giá trị trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử và truyền thống văn hiến, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của toàn xã hội nói chung và nhu cầu phát triển du lịch nói riêng.

Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được trong việc xây dựng và phát triển văn hóa thông tin cơ sở, nhất là khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Không để tồn tại các điểm thiếu tổ chức các hoạt động văn hóa; xây dựng các điểm sáng hoạt động văn hóa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Tạo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển văn hóa trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Hiện đại hóa kỹ thuật sản xuất và phổ biến phim. Nâng cao trình độ sử dụng thiết bị kỹ thuật hiện đại về sản xuất và phổ biến phim cho cán bộ chuyên môn kỹ thuật ngành điện ảnh nhằm nâng cao chất lượng các tác phẩm điện ảnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân và xuất khẩu phim Việt Nam ra nước ngoài.



## 2. Nội dung của chương trình:

Bao gồm 3 nhiệm vụ chủ yếu:

1. Nhiệm vụ Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc. Bao gồm 3 dự án:

a) Dự án chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến, gồm các nội dung:

- Tiếp tục bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến, nhất là đối với các di tích có giá trị đặc biệt quan trọng.

- Nghiên cứu, bảo quản di tích theo công nghệ hiện đại.

- Đào tạo cán bộ quản lý, bảo vệ, tổ chức hoạt động tại các di tích.

b) Dự án sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu và xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hóa phi vật thể; gồm các nội dung:

- Hệ thống hóa các di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương.

- Sưu tầm toàn diện di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của một số địa phương và của các dân tộc ít người.

- Nghiên cứu phục dựng và phổ biến một số loại hình sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật truyền thống tiêu biểu.

- Thành lập ngân hàng dữ liệu về văn hóa phi vật thể.

- Đào tạo cán bộ sưu tầm, quản lý văn hóa phi vật thể.

c) Dự án điều tra, bảo tồn một số làng, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là làng) tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người. Gồm các nội dung:

- Điều tra và lập hồ sơ một số làng tiêu biểu

của các dân tộc ít người hiện còn giữ được nhiều đặc trưng văn hóa cổ truyền. Tuyển chọn lập dự án và thực hiện bảo tồn thí điểm 2 - 3 làng đặc biệt tiêu biểu.

- Hỗ trợ tổ chức sinh hoạt lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người.

2. Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bao gồm 4 dự án:

a) Dự án xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở, xây dựng mô hình hoạt động văn hóa thông tin ở làng, xã (ưu tiên trước hết cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc nhằm thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng), gồm các nội dung:

- Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà văn hóa, làng văn hóa, đội thông tin lưu động.

- Trang bị phương tiện vận tải chuyên dùng cho hoạt động văn hóa thông tin lưu động (xe ô tô chuyên dùng và thuyền văn hóa).

- Xây dựng một số cụm thông tin ở các cửa khẩu biên giới.

- Đào tạo cán bộ làm công tác văn hóa thông tin cơ sở.

b) Dự án đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, xã, phường văn hóa, gồm các nội dung:

- Hoàn thiện các tiêu chuẩn văn hóa đối với từng loại đơn vị cơ sở.

- Xây dựng chế độ khen thưởng gia đình, làng, xã, phường đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đối với cán bộ làm công tác văn hóa thông tin ở xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

c) Tiếp tục thực hiện Dự án cấp các sản phẩm văn hóa thông tin cho cơ sở, gồm các nội dung:

- Cấp các sản phẩm văn hóa thông tin cho các xã đặc biệt khó khăn, các trường dân tộc nội trú.



- Cấp sách cho thư viện các huyện vùng cao, vùng sâu, vùng xa, xây dựng thí điểm tủ sách lưu động cho thư viện tỉnh, thành phố để luân chuyển về thư viện cơ sở.

d) Dự án phối hợp với Bộ Tư lệnh biên phòng tăng cường hoạt động văn hóa thông tin tuyến biên giới và hải đảo, gồm các nội dung:

- Trang thiết bị hoạt động văn hóa thông tin cho các đồn biên phòng.

- Cấp sản phẩm văn hóa thông tin và tổ chức liên hoan văn hóa thông tin cho các đồn biên phòng.

3. Nhiệm vụ hiện đại hóa công nghệ sản xuất lưu trữ và phổ biến phim, bao gồm các dự án:

a) Dự án hiện đại hóa khâu sản xuất phim, gồm:

Trang bị phương tiện, kỹ thuật hiện đại, đồng bộ cho một số Hãng phim lớn của Trung ương, đảm bảo sản xuất được phim âm thanh lập thể.

b) Dự án trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại cho khâu phổ biến phim.

Trang thiết bị máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể cho một số rạp chiếu bóng lớn; tiếp tục bổ sung máy chiếu phim thích hợp cho các đội chiếu bóng lưu động hoạt động ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

c) Dự án đào tạo, nâng cao trình độ sử dụng trang thiết bị hiện đại trong sản xuất và phổ biến phim, gồm các nội dung:

- Gửi cán bộ chuyên môn kỹ thuật sử dụng trang thiết bị hiện đại trong sản xuất và lưu trữ phim đi đào tạo ở nước ngoài.

- Thuê chuyên gia nước ngoài giảng dạy, nâng cao trình độ cho công nhân kỹ thuật sử dụng trang thiết bị hiện đại của ngành điện ảnh.

d) Dự án trang thiết bị một số phương tiện chuyên dụng hiện đại để bảo quản lưu trữ phim

tại Viện Nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh Việt Nam.

4. Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2005:

- 30% di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến và di tích kiến trúc nghệ thuật đặc biệt quan trọng được tiếp tục đầu tư tu bổ và tôn tạo bằng các nguồn vốn khác nhau.

- Suy tầm, lưu trữ toàn diện các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc, các giá trị văn hóa cổ truyền có giá trị đang có nguy cơ mai một cao.

- 80% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- 50% làng, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Xây dựng thí điểm tại mỗi tỉnh miền núi vùng cao, vùng sâu, vùng xa 2 đến 3 trung tâm văn hóa - thể thao.

- 100% các đồn biên phòng được trang bị phương tiện nghe - nhìn, một số đầu sách cho hoạt động văn hóa - thông tin và 50% đồn biên phòng trở thành điểm sáng về văn hóa.

- Các hãng phim ở Trung ương được đầu tư đồng bộ kỹ thuật sản xuất phim với công nghệ hiện đại.

- Các rạp chiếu bóng ở các thành phố lớn, trung tâm du lịch và các tỉnh đã có rạp chiếu bóng có khả năng doanh thu, được trang bị máy chiếu phim nhựa, video 300 inch âm thanh lập thể. Trang bị một số máy video 100 inch cho các đội chiếu bóng lưu động ở khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Cán bộ chuyên môn, kỹ thuật ngành điện ảnh sử dụng thành thạo trang thiết bị điện ảnh hiện đại đã được trang bị trong sản xuất và phổ biến phim.

**3. Thời gian thực hiện chương trình:**

Từ nay đến năm 2005.



**4. Về nguồn vốn cho chương trình:**

- Vốn ngân sách nhà nước bao gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp.
- Vốn huy động từ nguồn ngân sách địa phương.
- Vốn của các doanh nghiệp, các đơn vị.
- Vốn nhân dân đóng góp; vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan chức năng bố trí vốn hàng năm trong khả năng ngân sách nhà nước; Bộ Văn hóa - Thông tin có các giải pháp cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình theo tiến độ đề ra.

**Điều 2.** Trên cơ sở Chương trình này, Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo lập các dự án cụ thể để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Đối với mục tiêu hiện đại hóa công nghệ sản xuất, lưu giữ và phổ biến phim, căn cứ vào quy hoạch phát triển điện ảnh đã được Chính phủ phê duyệt, Chương trình cần tập trung trước hết cho khâu phổ biến và lưu trữ phim; việc đầu tư các dự án lớn cần tách riêng để đầu tư độc lập, không đưa vào Chương trình.

Việc bảo tồn các di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc là đặc biệt quan trọng và cấp thiết. Bộ Văn hóa - Thông tin căn cứ vào mức độ quan trọng và nguy cơ xuống cấp của từng di tích để đưa vào danh mục công trình cần ưu tiên đầu tư, bảo tồn trong Chương trình.

**Điều 3.**

1. Giao Bộ Văn hóa - Thông tin quản lý điều hành Chương trình; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện các dự án của Chương trình; trong quá trình triển khai cần phải lồng ghép có hiệu quả với các

chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội khác trên địa bàn.

2. Cơ chế về quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa thực hiện theo Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và điều hành các chương trình quốc gia.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 20/2003/QĐ-TTg ngày 29/01/2003 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp (Công văn số 3989/CV-KHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2002 và Công văn số 4909/CV-KHĐT ngày 09 tháng 12 năm 2002) về duyệt Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam,*